BỘ CÔNG THƯƠNG

**CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**MẪU HỒ SƠ**

**YÊU CẦU ĐIỀU TRA ÁP DỤNG BIỆN PHÁP
CHỐNG LẨN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**

***Tài liệu này chỉ để tham khảo và không mang tính ràng buộc về mặt pháp lý với Bộ Công Thương và tất cả các bên liên quan***

**MỤC LỤC**

[I. THÔNG TIN HƯỚNG DẪN CHUNG 3](#_Toc74232028)

[1. Cơ sở pháp lý và mục đích ban hành 3](#_Toc74232029)

[2. Hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại 3](#_Toc74232030)

[3. Bản lưu hành hạn chế và bản lưu hành công khai 3](#_Toc74232031)

[4. Các yêu cầu cơ bản đối với Hồ sơ 5](#_Toc74232032)

[5. Bổ sung Hồ sơ 5](#_Toc74232033)

[6. Bảo mật thông tin 5](#_Toc74232034)

[7. Thẩm định Hồ sơ 5](#_Toc74232035)

[8. Nơi tiếp nhận Hồ sơ 5](#_Toc74232036)

[II. HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ YÊU CẦU ĐIỀU TRA ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG LẨN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI 7](#_Toc74232037)

[1. TRANG BÌA 7](#_Toc74232038)

[2. DANH MỤC TÀI LIỆU 8](#_Toc74232039)

[3. NỘI DUNG ĐƠN 9](#_Toc74232040)

[MỤC A: THÔNG TIN CHUNG 9](#_Toc74232041)

[A1. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại 9](#_Toc74232042)

[A2. Hàng hóa nhập khẩu bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại 11](#_Toc74232043)

[A3. Nước xuất khẩu/nhà sản xuất nước ngoài liên quan 13](#_Toc74232044)

[A4. Các nhà nhập khẩu ở Việt Nam 14](#_Toc74232045)

[MỤC B: HÀNH VI LẨN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI CỦA HÀNG HÓA NƯỚC NGOÀI NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM 15](#_Toc74232046)

[B1. Hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại thông qua sản xuất tại nước thứ ba mà hàng hóa đó sử dụng nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại 15](#_Toc74232047)

[B2. Hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được chuyển tải thông qua nước thứ ba 17](#_Toc74232048)

[B3. Hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại thông qua thay đổi không đáng kể hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại 17](#_Toc74232049)

[B4. Hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại thông qua nhập khẩu vật tư, linh kiện và sản xuất, lắp ráp, hoàn thiện tại Việt Nam 18](#_Toc74232050)

[B5. Hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại thông qua thay đổi hình thức kinh doanh và kênh phân phối 19](#_Toc74232051)

[C. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ 20](#_Toc74232052)

[III. CAM KẾT 21](#_Toc74232053)

# I. THÔNG TIN HƯỚNG DẪN CHUNG

## 1. Cơ sở pháp lý và mục đích ban hành

Mẫu Hồ sơ này do Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương (sau đây gọi tắt là Cơ quan điều tra) ban hành, căn cứ các văn bản pháp luật sau:

- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại (Nghị định số 10/2018/NĐ-CP);

- Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

- Quyết định số 3752/QĐ-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại.

Nhằm mục đích giúp tổ chức, cá nhân đại diện cho ngành sản xuất trong nước chuẩn bị Hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi tắt là Hồ sơ).

## 2. Hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Hồ sơ bao gồm:

(i) Đơn yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại;

(ii) Tài liệu, thông tin chứng minh cho các số liệu, lập luận đã nêu tại Đơn yêu cầu; và

(iii) Tài liệu, thông tin liên quan khác mà tổ chức, cá nhân yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp (sau đây gọi tắt là Bên yêu cầu) cho là cần thiết.

## 3. Bản lưu hành hạn chế và bản lưu hành công khai

Hồ sơ được lập thành hai (02) phiên bản: phiên bản lưu hành hạn chế (gọi tắt là bản hạn chế) và phiên bản lưu hành công khai (gọi tắt là bản công khai). Bản hạn chế chứa các dữ liệu, thông tin, bí mật kinh doanh của Bên yêu cầu. Chỉ Cơ quan điều tra và các cơ quan chức năng theo quy định có thẩm quyền sử dụng bản hạn chế.

Bản công khai không chứa các dữ liệu, thông tin, bí mật kinh doanh của Bên yêu cầu. Bản công khai có thể được tiếp cận bởi các bên liên quan đến vụ việc điều tra trên cơ sở yêu cầu bằng văn bản gửi Cơ quan điều tra.

Khi Bên yêu cầu nộp Hồ sơ, chỉ cần nộp bản hạn chế. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi Cơ quan điều tra có công văn xác nhận Hồ sơ của Bên yêu cầu là đầy đủ và hợp lệ, Bên yêu cầu cần bổ sung bản công khai. Bản công khai phải có đủ thông tin chi tiết cần thiết để có thể hiểu được bản chất của thông tin trong bản chế. Bản công khai được thực hiện theo các bước sau:

* Sử dụng phần trả lời trong bản hạn chế làm cơ sở, xác định tất cả các thông tin mà Bên yêu cầu cho là không bảo mật và sao chép những thông tin này vào bản công khai.
* Trong trường thông tin, dữ liệu bảo mật không thể tóm tắt được thì Bên yêu cầu phải chỉ rõ lý do vì sao không thể tóm tắt được những thông tin đó và mã hóa các thông tin bảo mật.

Ví dụ về cách tóm tắt thông tin lưu hành hạn chế: Khi thông tin liên quan là con số của nhiều năm thì có thể sử dụng chỉ số so sánh thay thế.

Ví dụ về thông tin bảo mật:

*Đơn vị: VND*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm 2002** | **Năm 2003** | **Năm 2004** |
| 20.000 VND | 30.000 VND | 40.000 VND |

Tóm tắt thông tin lưu hành công khai có thể như sau:

*Đơn vị: chỉ số 100*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm 2002** | **Năm 2003** | **Năm 2004** |
| **100** | **150** | **200** |

Khi thông tin liên quan nằm trong phần lời văn thì có thể tóm tắt hoặc xóa tên của các bên thông qua việc chỉ ra chức năng của họ.

Ví dụ về thông tin được bảo mật: “Công ty TNHH Thương mại A cho rằng giá của hàng hóa nhập khẩu thấp hơn 17% so với giá hàng hóa sản xuất trong nước”.

Bản tóm tắt lưu hành công khai có thể là: “Công ty TNHH Thương mại [...] cho rằng giá của hàng hóa nhập khẩu thấp hơn 15-20% so với giá hàng hóa sản xuất trong nước".

## 4. Các yêu cầu cơ bản đối với Hồ sơ

Hồ sơ cần được chuẩn bị một cách đầy đủ theo từng mục nêu tại Phần II của mẫu này. Bên yêu cầu phải bảo đảm tính chính xác, hợp lệ và hợp pháp của các thông tin và tài liệu được cung cấp trong Hồ sơ.

Phương pháp tính toán và nguồn thông tin, số liệu phải được chỉ rõ, kèm theo ghi chú về thời hiệu của thông tin, số liệu đó.

## 5. Bổ sung Hồ sơ

 Khi nhận được yêu cầu bổ sung Hồ sơ của Cơ quan điều tra, Bên yêu cầu phải bổ sung Hồ sơ trong thời hạn do Cơ quan điều tra quy định.

## 6. Bảo mật thông tin

 Cơ quan điều tra có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp bởi các bên liên quan theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP.

 Các bên liên quan đến vụ việc điều tra chống bán phá giá của Cơ quan điều tra theo quy định tại Điều 74 Luật Quản lý ngoại thương (sau đây gọi tắt là Bên liên quan) được phép tiếp cận thông tin về vụ việc chống bán phá giá của Cơ quan điều tra, trừ những thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP. Việc tiếp cận những thông tin này chỉ cho mục đích bảo vệ quyền lợi của mình, không được sử dụng vào mục đích khác.

## 7. Thẩm định Hồ sơ

 Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Quản lý ngoại thương, Cơ quan điều tra thẩm định Hồ sơ và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng) để xem xét ban hành Quyết định điều tra hoặc không điều tra vụ việc.

## 8. Nơi tiếp nhận Hồ sơ

 - Hình thức nộp Hồ sơ: trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính

 - Số lượng phiên bản: 03 bản in (các tài liệu đều phải in trừ các file dữ liệu) và 01 USB chứa đầy đủ Hồ sơ và các file dữ liệu

 - Địa điểm tiếp nhận Hồ sơ:

**VĂN PHÒNG CỤC - CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

Phòng 801, tòa nhà Bộ Công Thương, 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (+84) 24 7303 7898

Fax: (+84) 24 7303 7897

Email: pvtm@moit.gov.vn

# II. HƯỚNG DẪN LẬP HỒ SƠ YÊU CẦU ĐIỀU TRA ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG LẨN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

## 1. TRANG BÌA

|  |
| --- |
| **[TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐẠI DIỆN NGÀNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC]**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**HỒ SƠ YÊU CẦU ĐIỀU TRA ÁP DỤNG BIỆN PHÁP** **CHỐNG LẨN TRÁNH BIỆN PHÁP [MÃ SỐ VỤ VIỆC GỐC[[1]](#footnote-1)] ĐỐI VỚI [HÀNG HÓA ĐANG BỊ CHO LÀ LẨN TRÁNH[[2]](#footnote-2) HOẶC XUẤT XỨ HÀNG HÓA ĐANG BỊ CHO LÀ LẨN TRÁNH[[3]](#footnote-3)]****VỤ VIỆC GỐC: [MÃ SỐ VỤ VIỆC GỐC] - [TÊN CỤ THỂ CỦA VỤ VIỆC GỐC]*****[ĐỊA ĐIỂM, THÁNG/NĂM HOÀN THÀNH HỒ SƠ]*** |

## 2. DANH MỤC TÀI LIỆU

|  |
| --- |
| **DANH MỤC TÀI LIỆU TRONG HỒ SƠ****1. ĐƠN YÊU CẦU ĐIỀU TRA ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG LẨN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI****TÀI LIỆU NỘP KÈM ĐƠN****2. TÊN TÀI LIỆU 1 (TÀI LIỆU [MẬT/CÔNG KHAI]) – DỮ LIỆU [IN/ĐIỆN TỬ]****3. TÊN TÀI LIỆU 2 (TÀI LIỆU [MẬT/CÔNG KHAI]) – DỮ LIỆU [IN/ĐIỆN TỬ]****...****N. 01 USB CHỨA DỮ LIỆU HỒ SƠ** |

## 3. NỘI DUNG ĐƠN

## MỤC A: THÔNG TIN CHUNG

A1. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

**A1.1. Bên yêu cầu**

1. Bên yêu cầu phải là tổ chức, cá nhân đại diện cho ngành sản xuất trong nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 79 Luật Quản lý ngoại thương.

Một số lưu ý khi tính toán tổng sản lượng sản xuất ở Việt Nam:

* Lượng hàng hóa thuộc đối tượng điều tra là lượng sản xuất thực tế ở Việt Nam của các nhà sản xuất trong nước;
* Các nhà sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng điều tra không có mối quan hệ liên kết với các nhà xuất khẩu hoặc nhập khẩu khác; và
* Các nhà sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng điều tra không nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng điều tra từ các nước bị cho là có bán phá giá hoặc có nhập khẩu nhưng lượng nhập khẩu chỉ ở mức thấp và không gây ảnh hưởng đến thiệt hại của ngành sản xuất trong nước.

2. Nếu Bên yêu cầu bao gồm nhiều tổ chức, cá nhân đại diện cho ngành sản xuất trong nước, cần cung cấp các thông tin sau của từng tổ chức, cá nhân:

*Tên đầy đủ:*

*Tên viết tắt (nếu có):*

*Tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có):*

*Địa chỉ:*

*Số điện thoại:*

*E-mail:*

*Website (nếu có):*

 *Người liên lạc: họ và tên, chức danh, điện thoại, E-mail...*

3. Cung cấp sơ đồ về cơ cấu tổ chức của các công ty đại diện ngành sản xuất trong nước và chỉ rõ tỷ lệ vốn do các cá nhân và công ty khác nắm giữ, phải nêu cụ thể tất cả các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn của từng công ty.

4. Bên yêu cầu có chỉ định hoặc ủy quyền người tư vấn, đại diện pháp lý hoặc đại diện khác để hỗ trợ Công ty trong Hồ sơ và/hoặc trong quá trình điều tra? Nếu có, đề nghị gửi kèm theo văn bản chỉ định hoặc thư ủy quyền và nêu rõ phạm vi, thời hạn ủy quyền. Ngoài ra, đề nghị Công ty cung cấp các thông tin về đại diện pháp lý như sau:

*Người liên lạc:*

*Địa chỉ:*

*Chức danh:*

*Số điện thoại liên lạc trực tiếp:*

*E-mail:*

*Tên công ty tư vấn/văn phòng luật (nếu có):*

5. Nếu Bên yêu cầu bao gồm tất cả các tổ chức, cá nhân đã tham gia nộp hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp gốc (tức là Bên yêu cầu của vụ việc này chính là Bên yêu cầu của vụ việc gốc), Cơ quan điều tra có thể sẽ coi Bên yêu cầu là đại diện hợp pháp của ngành sản xuất trong nước và không thẩm định lại vấn đề này. Nếu Bên yêu cầu trong vụ việc này khác với Bên yêu cầu trong vụ việc gốc, Cơ quan điều tra sẽ thẩm định lại tư cách đại diện ngành sản xuất trong nước của Bên yêu cầu trong vụ việc này.

**A1.2. Ngành sản xuất trong nước**

1. Bên yêu cầu cần điền vào phần này trong trường hợp Bên yêu cầu trong vụ việc này khác với Bên yêu cầu trong vụ việc gốc. Nếu Bên yêu cầu trong vụ việc này này chính là Bên yêu cầu của vụ việc gốc, Bên yêu cầu bỏ qua phần A1.2 này. Lưu ý: việc đổi tên, mua bán, sáp nhập, hợp nhất, liên doanh... doanh nghiệp của Bên yêu cầu nhưng không làm thay đổi bản chất hoặc không làm giảm quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực hàng hóa thuộc vụ việc gốc thì không ảnh hưởng đến việc xác định tư cách đại diện ngành sản xuất trong nước của Bên yêu cầu.

2. Đề nghị liệt kê tất cả các nhà sản xuất hàng hóa tương tự trong nước thuộc vụ việc gốc mà Bên yêu cầu biết (bao gồm cả Bên yêu cầu và các nhà sản xuất khác trên lãnh thổ Việt Nam) và các thông tin cần thiết khác theo Bảng sau (trường hợp cần thiết có thể đính kèm phụ lục).

**Bảng A1.2.1: Tư cách đại diện ngành sản xuất trong nước của Bên yêu cầu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên Nhà sản xuất | Địa chỉ | Sản lượng của năm trước[[4]](#footnote-4) năm nộp Hồ sơ(Đơn vị:…) | Tỷ lệ (% theo sản lượng) | Ý kiến đối với yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại |
| Ủng hộ | Phản đối | Không có ý kiến |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  | **100%** | **100%** |

3. Thông tin về mối quan hệ liên kết giữa các nhà sản xuất, xuất khẩu hoặc các nhà nhập khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng điều tra biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại mà Bên yêu cầu biết. Mối quan hệ liên kết tồn tại trong các trường hợp sau:

- Bên này trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia;

- Tất cả đều trực tiếp hoặc gián tiếp bị kiểm soát bởi một bên thứ ba; hoặc

- Cùng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên thứ ba.

Một bên có thể bị coi là kiểm soát được một bên khác khi bên đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên khác nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh của bên khác đó.

A2. Hàng hóa nhập khẩu bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

Theo Điều 73 Nghị định 10/2018/NĐ-CP, hàng hóa nhập khẩu bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại có thể bao gồm:

- Hàng hóa tương tự với hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại có xuất xứ tại nước thứ ba mà hàng hóa đó sử dụng nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (có thay đổi xuất xứ);

- Hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được chuyển tải thông qua nước thứ ba (có thay đổi xuất xứ);

- Hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại có sự khác biệt không đáng kể so với hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (không thay đổi xuất xứ);

- Nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại nhập khẩu vào Việt Nam để sản xuất hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (không thay đổi xuất xứ);

- Hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được thay đổi hình thức kinh doanh và kênh phân phối để hưởng lợi từ mức áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại thấp hơn mức đang áp dụng (không thay đổi xuất xứ).

**A2.1. Mô tả hàng hóa tương tự sản xuất trong nước**

Để mô tả hàng hóa tương tự sản xuất trong nước (sau đây gọi tắt là Hàng hóa tương tự), Bên yêu cầu phải cung cấp thông tin đầy đủ và chi tiết về:

* Tên gọi [tên khoa học, tên thường gọi, tên thương mại];
* Chủng loại/kiểu;
* Mã hàng hóa theo Biểu thuế hàng hóa nhập khẩu hiện hành;
* Các đặc tính cơ bản;
* Mục đích sử dụng chính;
* Mô tả quy trình sản xuất;
* Khối lượng, số lượng của hàng hóa tương tự sản xuất trong nước; và
* Các thông tin cần thiết khác mà Cơ quan điều tra có thể căn cứ vào đó để có những đánh giá sát thực nhất về hàng hóa (như phân khúc thị trường, kênh phân phối hay phương thức bán hàng, v.v.).

**A2.2. Mô tả hàng hóa nhập khẩu bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại**

Để mô tả hàng hóa nhập khẩu bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (sau đây gọi tắt là Hàng hóa nhập khẩu), Bên yêu cầu cần cung cấp thông tin đầy đủ và chi tiết về:

* Tên gọi [tên khoa học, tên thường gọi, tên thương mại];
* Chủng loại/kiểu;
* Mã hàng hóa theo Biểu thuế hàng hóa nhập khẩu hiện hành;
* Các đặc tính cơ bản;
* Mục đích sử dụng chính;
* Mô tả quy trình sản xuất;
* Khối lượng, số lượng của hàng hóa nhập khẩu; và
* Các thông tin cần thiết khác mà Cơ quan điều tra có thể căn cứ vào đó để có những đánh giá sát thực nhất về hàng hóa (như phân khúc thị trường, kênh phân phối hay phương thức bán hàng, v.v.).

*Lưu ý:* Trường hợp có nhiều loại/kiểu Hàng hóa, hãy cho biết có thể coi tất cả các loại/kiểu Hàng hóa đó là một loại/kiểu hàng hóa đồng nhất không? Đề nghị chỉ rõ các loại/kiểu Hàng hóa là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

A3. Nước xuất khẩu/nhà sản xuất nước ngoài liên quan

Đề nghị cung cấp các thông tin chi tiết về tất cả các nước xuất khẩu, nhà sản xuất/xuất khẩu hàng hóa bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại mà Bên yêu cầu biết theo bảng sau (trường hợp cần thiết có thể đính kèm phụ lục).

**Bảng A3.1: Các nhà sản xuất/xuất khẩu hàng hóa bị cáo buộc lần tránh biện pháp PVTM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên doanh nghiệp** | **Loại hình** | **Nước xuất xứ** | **Địa chỉ** |
| **Sản xuất** | **Xuất khẩu** |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

Nếu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại có xuất xứ từ các nước liên quan cũng được xuất khẩu vào Việt Nam thông qua một nước khác thì hãy chỉ rõ nước xuất khẩu và các nhà xuất khẩu đang tiến hành hoạt động xuất khẩu đó mà Bên yêu cầu biết.

A4. Các nhà nhập khẩu ở Việt Nam

Đề nghị cung cấp thông tin về tất cả các nhà nhập khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại mà Bên yêu cầu biết theo bảng sau (trường hợp cần thiết có thể đính kèm phụ lục).

**Bảng A4.1: Các nhà nhập khẩu trong nước liên quan**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên doanh nghiệp** | **Địa chỉ** | **Xuất xứ hàng hóa** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

Đề nghị cung cấp thông tin về quan hệ liên kết giữa các nhà nhập khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và các nhà sản xuất/xuất khẩu nước ngoài mà Bên yêu cầu biết (trường hợp cần thiết có thể đính kèm phụ lục).

## MỤC B: HÀNH VI LẨN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI CỦA HÀNG HÓA NƯỚC NGOÀI NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM

Mục B tập trung làm rõ các hành vi lần tránh biện pháp phòng vệ thương mại của hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam trong giai đoạn trước khi Bên yêu cầu nộp Hồ sơ.

B1. Hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại thông qua sản xuất tại nước thứ ba mà hàng hóa đó sử dụng nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại

Đề nghị liệt kê tất cả các loại/kiểu hàng hóa bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực tại Việt Nam.

Các phân tích, lập luận, số liệu, bằng chứng rõ ràng chứng minh rằng:

(1) Hàng hóa tương tự với hàng hóa nhập khẩu đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được nhập khẩu vào Việt Nam thông qua các nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hoặc quốc gia không bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (nước thứ ba).

Để chứng minh yếu tố này, Bên yêu cầu có thể nêu chứng cứ về việc:

- Có sự thay đổi về dòng chảy thương mại của nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư để sản xuất hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp PVTM giữa nước đang bị áp dụng biện pháp PVTM và nước đang bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp PVTM.

- Các bằng chứng rõ ràng khác về việc nhà sản xuất ở nước thứ ba sử dụng nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư để sản xuất hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp PVTM rồi xuất khẩu sang Việt Nam.

(2) Các nhà sản xuất, xuất khẩu, các quốc gia đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại thay đổi thông lệ thương mại, mô hình thương mại hoặc kênh bán hàng để hàng hóa của họ được xuất khẩu sang Việt Nam thông qua các nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hoặc quốc gia không bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (nước thứ ba).

Để chứng minh yếu tố này, Bên yêu cầu có thể nêu chứng cứ về việc:

- Các nhà nhập khẩu trước đây nhập khẩu từ nước đang bị áp dụng biện pháp PVTM nay chuyển sang nhập khẩu từ nước bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp PVTM;

- Trong khi có sự thay đổi về dòng chảy thương mại của nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư để sản xuất hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp PVTM giữa nước đang bị áp dụng biện pháp PVTM và nước đang bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp PVTM thì dòng chảy thương mại của nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư để sản xuất hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp PVTM giữa các nước khác và nước đang bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp PVTM hầu như không thay đổi;

(3) Giá xuất khẩu của hàng hóa từ nước thứ ba vào Việt Nam thấp hơn giá thông thường của hàng hóa bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại ban đầu;

Để chứng minh yếu tố này, Bên yêu cầu có thể nêu chứng cứ về việc:

- Giá trung bình hàng hóa nhập khẩu từ nước đang bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp PVTM thấp hơn giá thông thường theo Hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại ban đầu (trong trường hợp Bên yêu cầu trong vụ việc này chính là Bên yêu cầu trong vụ việc gốc);

- Giá trung bình hàng hóa nhập khẩu từ nước đang bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp PVTM thấp hơn hoặc tương đương giá trung bình hàng hóa nhập khẩu từ nước đang bị áp dụng biện pháp PVTM (trong trường hợp Bên yêu cầu trong vụ việc này không phải Bên yêu cầu trong vụ việc gốc).

(4) Khối lượng, số lượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam chiếm tỷ lệ lớn trong tổng lượng bán hàng của nhà sản xuất, xuất khẩu;

Để chứng minh yếu tố này, Bên yêu cầu có thể nêu chứng cứ về việc:

- Thị phần (tính theo lượng) của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam từ nước đang bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp PVTM tăng lên đáng kể trong giai đoạn sau khi Bộ Công Thương quyết định điều tra áp dụng biện pháp PVTM ban đầu hoặc sau khi Bộ Công Thương quyết định áp dụng biện pháp PVTM ban đầu.

- Thị phần (tính theo lượng) của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam từ nước đang bị áp dụng biện pháp PVTM giảm đi tương ứng trong giai đoạn sau khi Bộ Công Thương quyết định điều tra áp dụng biện pháp PVTM ban đầu hoặc sau khi Bộ Công Thương quyết định áp dụng biện pháp PVTM ban đầu.

(5) Nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chiếm ít nhất 60% tổng giá trị nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư của hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại xuất khẩu vào Việt Nam.

Để chứng minh yếu tố này, Bên yêu cầu có thể nêu chứng cứ về việc:

- Trong chi phí sản xuất hàng hóa bị điều tra, thông thường giá trị nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư tương đương loại đang được xuất khẩu từ nước bị áp dụng biện pháp PVTM sang nước đang bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp PVTM chiếm ít nhất 60% tổng giá trị nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư của hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

- Dữ liệu có thể lấy từ các nguồn công khai hoặc các nguồn tốt nhất mà Bên yêu cầu có được, hoặc từ dữ liệu do Bên yêu cầu ước tính.

*Lưu ý:* Bên yêu cầu không nhất thiết phải chứng minh đủ từng yếu tố của 5 vấn đề nêu trên. Ngoài ra, Bên yêu cầu có thể bổ sung các lập luận, yếu tố khác mà Bên yêu cầu cho là cần thiết để chứng minh hành vi.

B2. Hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được chuyển tải thông qua nước thứ ba

Đề nghị liệt kê tất cả các kênh chuyển tải hàng hóa bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực tại Việt Nam.

Các phân tích, lập luận, số liệu, bằng chứng chứng minh rằng:

(1) Hàng hóa tương tự với hàng hóa nhập khẩu đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được nhập khẩu vào Việt Nam thông qua các nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hoặc quốc gia không bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (nước thứ ba);

(2) Các nhà sản xuất, xuất khẩu, các quốc gia đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại thay đổi thông lệ thương mại, mô hình thương mại hoặc kênh bán hàng để hàng hóa của họ được xuất khẩu sang Việt Nam thông qua các nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất hoặc quốc gia không bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (nước thứ ba);

(5) Khối lượng, số lượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam bắt đầu và gia tăng đáng kể ngay trước hoặc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định điều tra;

B3. Hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại thông qua thay đổi không đáng kể hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại

Đề nghị liệt kê tất cả các loại/kiểu hàng hóa bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực tại Việt Nam.

Các phân tích, lập luận, số liệu, bằng chứng chứng minh rằng:

(1) Có sự thay đổi mô tả, tên hoặc thành phần hàng hóa nhập khẩu đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại dẫn đến việc mặt hàng đó bị thay đổi về mặt hình thức hoặc hình thức dù chỉ ở dạng nhỏ theo phân loại mã hàng hóa hoặc thuế quan, nếu có;

(2) Không có sự khác biệt đáng kể về đặc điểm, mục đích sử dụng, kênh phân phối và chi phí giữa hàng hóa nhập khẩu với hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại;

(3) Khối lượng, số lượng nhập khẩu hàng hóa được mô tả tại khoản 3 Điều 73 của Nghị định số 10/2018/NĐ-CP gia tăng đáng kể so với khối lượng, số lượng nhập khẩu hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại vào Việt Nam của nhà sản xuất, xuất khẩu;

(4) Khối lượng, số lượng nhập khẩu hàng hóa được mô tả tại khoản 3 Điều 73 của Nghị định số 10/2018/NĐ-CP gia tăng đáng kể ngay trước hoặc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định điều tra.

B4. Hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại thông qua nhập khẩu vật tư, linh kiện và sản xuất, lắp ráp, hoàn thiện tại Việt Nam

Đề nghị liệt kê tất cả các loại/kiểu hàng hóa bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực tại Việt Nam.

Các phân tích, lập luận, số liệu, bằng chứng chứng minh rằng:

(1) Hàng hóa tương tự với hàng hóa nhập khẩu đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được nhập khẩu vào Việt Nam từ bất kỳ quốc gia nào bao gồm quốc gia xuất xứ hoặc quốc gia xuất khẩu bị áp thuế phòng vệ thương mại, ở dạng chưa lắp ráp, chưa hoàn thiện hoặc chưa hoàn thiện và đã được lắp ráp, hoàn thiện hoặc được hoàn thiện tại Việt Nam được bán với giá thấp hơn giá thông thường của hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại;

(2) Hàng hóa là linh kiện, vật tư, vật liệu có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại được nhập khẩu vào Việt Nam với mục đích chủ yếu để sản xuất hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại;

(3) Hoạt động lắp ráp, hoàn thiện gia tăng đáng kể tại Việt Nam ngay trước hoặc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại;

(4) Nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư có xuất xứ từ nước bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chiếm ít nhất 60% tổng giá trị nguyên vật liệu, linh kiện hoặc vật tư để sản xuất, lắp ráp hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại tại Việt Nam;

(5) Giá trị do hoạt động lắp ráp, hoàn thiện thấp hơn 25% (hai mươi lăm phần trăm) chi phí của sản phẩm đã lắp ráp, hoàn thiện hoặc hoàn chỉnh được nhập khẩu vào Việt Nam.

B5. Hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại thông qua thay đổi hình thức kinh doanh và kênh phân phối

Đề nghị liệt kê tất cả các loại/kiểu hàng hóa bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực tại Việt Nam.

Các phân tích, lập luận, số liệu, bằng chứng chứng minh rằng:

(1) Không có sự khác biệt đáng kể về đặc điểm, mục đích sử dụng, kênh phân phối và chi phí giữa hàng hóa nhập khẩu với hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại;

(2) Khối lượng, số lượng nhập khẩu hàng hóa được mô tả tại khoản 3 Điều 73 của Nghị định số 10/2018/NĐ-CP gia tăng đáng kể so với khối lượng, số lượng nhập khẩu hàng hóa bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại vào Việt Nam của nhà sản xuất, xuất khẩu;

(3) Khối lượng, số lượng nhập khẩu hàng hóa được mô tả tại khoản 3 Điều 73 của Nghị định số 10/2018/NĐ-CP gia tăng đáng kể ngay trước hoặc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định điều tra.

## C. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Đề nghị nêu rõ các kết luận và chứng minh sự tồn tại tình trạng hàng hóa nhập khẩu lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực, tình trạng thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể mà ngành sản xuất trong nước đang phải gánh chịu và mối quan hệ nhân quả giữa hai yếu tố đó.

Bên yêu cầu cần kiến nghị Cơ quan điều tra tiến hành một cuộc điều tra để áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu bị cáo buộc lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực. Đồng thời, nêu rõ kiến nghị về việc áp dụng biện pháp tạm thời nếu cần thiết (thời gian áp dụng, thời hạn áp dụng và mức thuế chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại. Trong trường hợp này, Bên yêu cầu cần cung cấp các thông tin, bằng chứng và lập luận cho thấy sự cần thiết phải áp dụng biện pháp tạm thời và việc chậm áp dụng thuế chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời sẽ gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể khó có thể khắc phục được cho ngành sản xuất trong nước; làm giảm hiệu quả của biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực.

Đại diện hợp pháp của Bên yêu cầu (nếu có) cần phải ký và đóng dấu vào Công văn và gửi kèm theo Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đến Cơ quan điều tra.

# III. CAM KẾT

*Chúng tôi đảm bảo rằng thông tin cung cấp trong Hồ sơ là chính xác, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực của những thông tin đã cung cấp.*

|  |  |
| --- | --- |
| \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Ngày | ***Đại diện ngành sản xuất trong nước***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Chữ ký của người có thẩm quyền |
|  | \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Tên và chức danh của người có thẩm quyền (có hiệu lực) |

1. Là vụ việc mà biện pháp PVTM đang bị cho là đã bị lẩn tránh, ví dụ: [AD01]. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trong trường hợp Bên yêu cầu cho rằng nhà xuất khẩu nước ngoài lẩn tránh bằng cách thay đổi hàng hóa thì nêu tên hàng hóa đã được thay đổi để lẩn tránh, ví dụ: mặt hàng X hoặc phụ kiện mặt hàng Y. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trong trường hợp Bên yêu cầu cho rằng nhà xuất khẩu nước ngoài lẩn tránh bằng cách thay đổi xuất xứ hàng hóa thì nêu xuất xứ hàng hóa đã được thay đổi để lẩn tránh, ví dụ: từ nước X hoặc khu vực Y [↑](#footnote-ref-3)
4. Số liệu cả năm dương lịch ngay trước năm nộp hồ sơ [↑](#footnote-ref-4)